

| | | | |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày | 15,000 VNĐ | | |
| 30/09/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | 2.0% | 2.0% | -3.0% |

| | | |
|-----|-------|-------------------|
| | Q3/24 | |
| ROE | 1.3% | +/- YoY ▲ 2.5% |

| | | | |
|----------|--------|-------------------------|-------------------------|
| | Q3/24 | | |
| DT thuần | 354 | QoQ ▲ 32.0 ▲ 9.9% | YoY ▲ 11.0 ▲ 3.2% |
| | tỷ VNĐ | | |

| | | |
|----------|---------|-------------------------|
| | 9T 2024 | |
| DT thuần | 970 | YoY ▲ 123 ▲ 14.4% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|--------|--------|-------------------------|--------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN gộp | 42.9 | QoQ ▲ 1.20 ▲ 2.8% | YoY ▲ 19.6 ▲ 83.9% |
| | tỷ VNĐ | | |

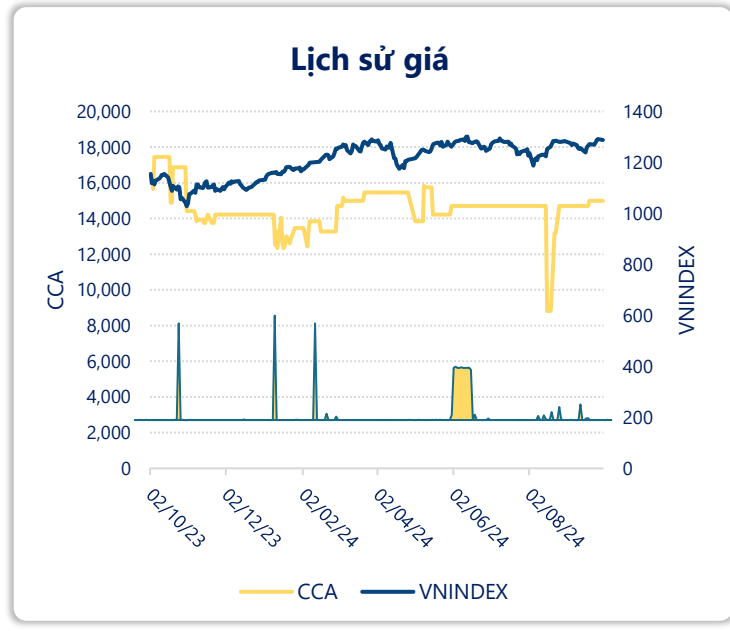
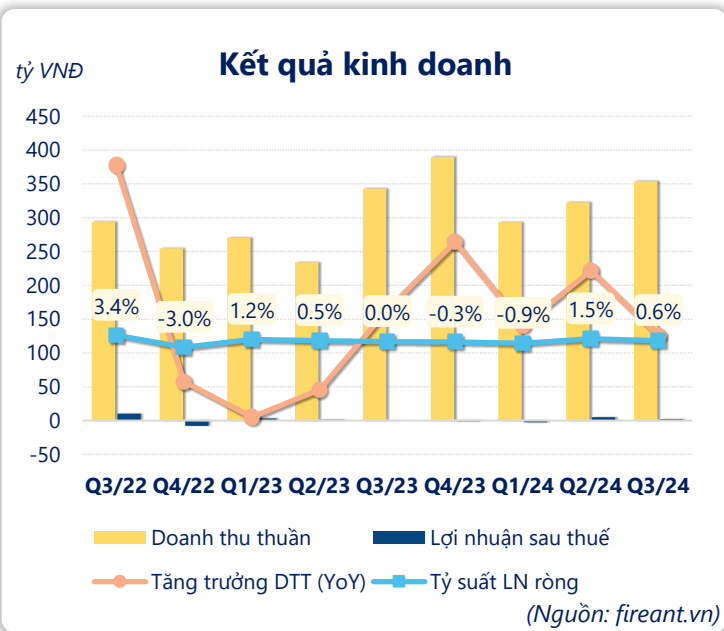
| | | |
|--------|---------|--------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN gộp | 108 | YoY ▲ 35.4 ▲ 48.0% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|----------|--------|--------------------------|-------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN thuần | 2.49 | QoQ ▼ 2.70 ▼ 52.1% | YoY ▲ 1.71 ▲ 219% |
| | tỷ VNĐ | | |

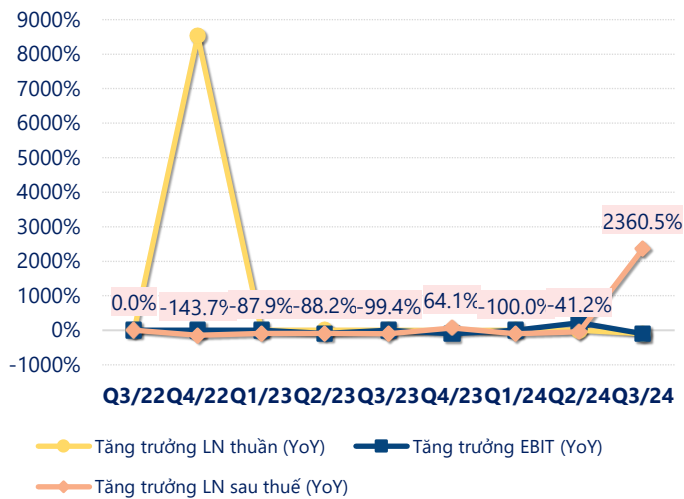
| | | |
|----------|---------|--------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN thuần | 5.09 | YoY ▼ 1.71 ▼ 25.1% |
| | tỷ VNĐ | |

| | | | |
|-------------|--------|--------------------------|--------------------------|
| | Q3/24 | | |
| LN sau thuế | 2.09 | QoQ ▼ 2.67 ▼ 56.1% | YoY ▲ 2.03 ▲ 3379% |
| | tỷ VNĐ | | |

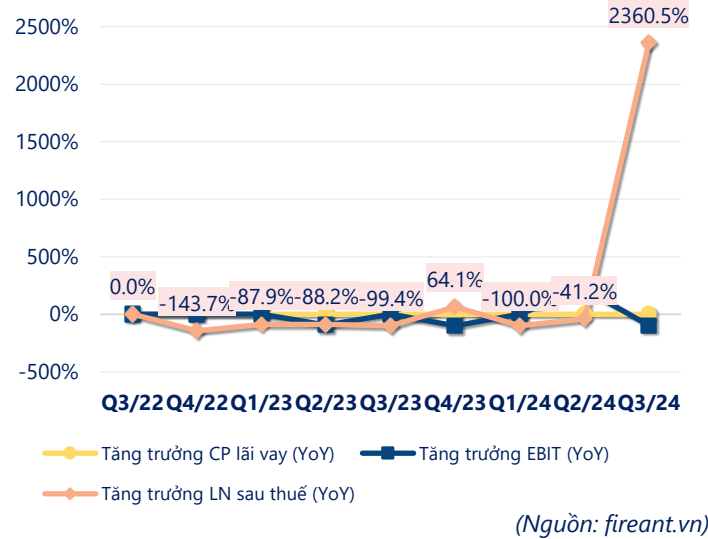
| | | |
|-------------|---------|-------------------------|
| | 9T 2024 | |
| LN sau thuế | 4.29 | YoY ▼ 0.27 ▼ 6.0% |
| | tỷ VNĐ | |



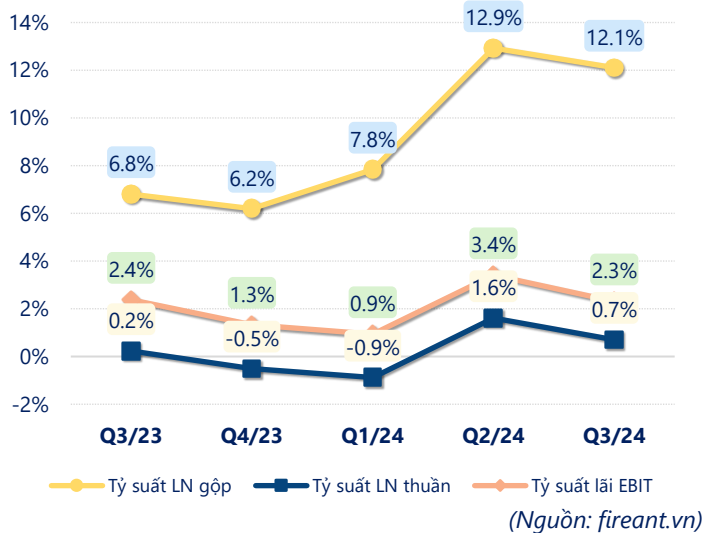
Tăng trưởng lợi nhuận



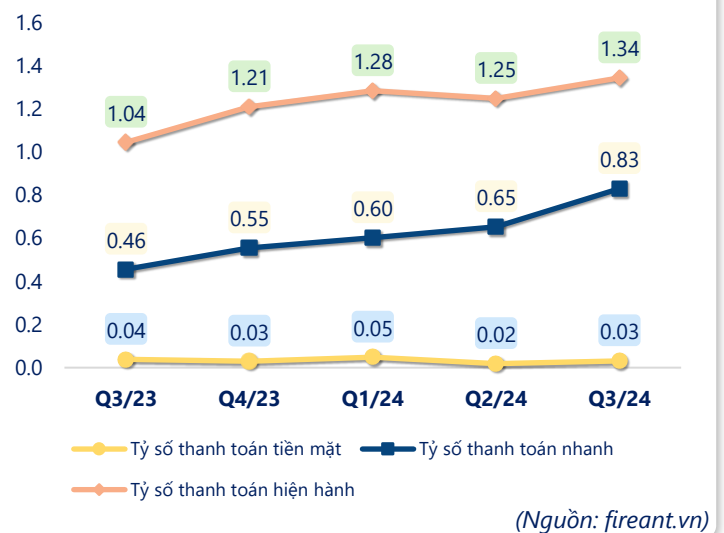
Tăng trưởng chi phí



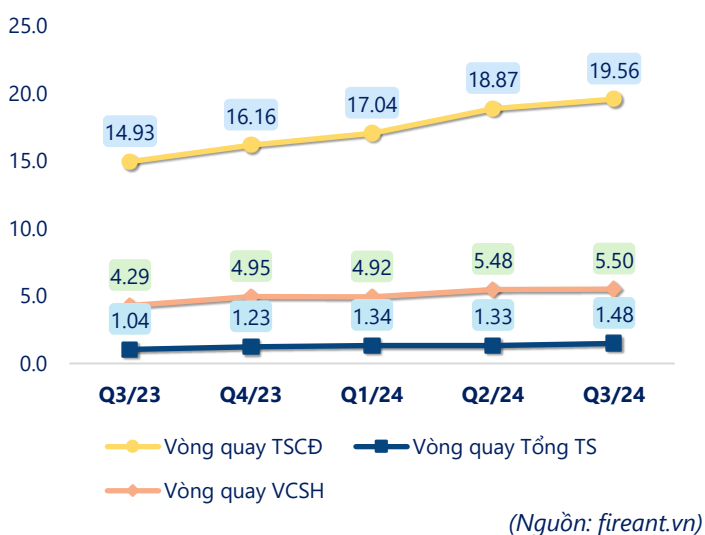
Tỷ suất lợi nhuận



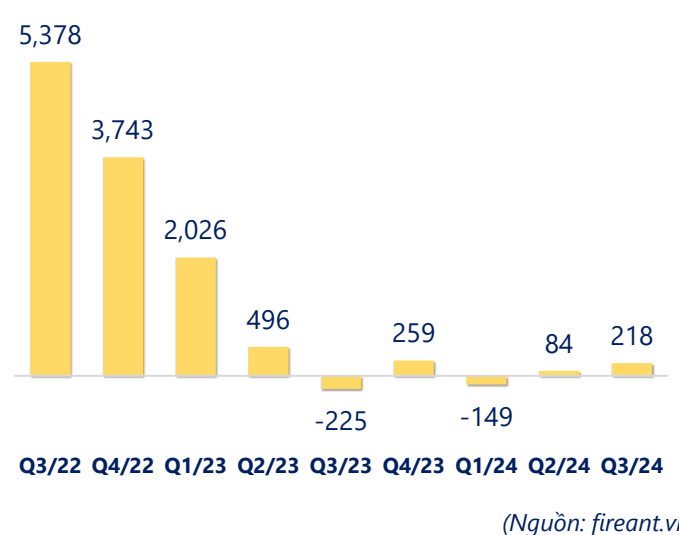
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ) | Q3/24 | Q3/23 | Thay đổi YoY | 9T 2024 | 9T 2023 | Thay đổi YoY |
|--------------------------------|-------|-------|-----------------|---------|---------|-----------------|
| Doanh thu thuần | 354 | 343 | 3.2% | 970 | 847 | 14.4% |
| Giá vốn hàng bán | 311 | 319 | -2.5% | 862 | 775 | 11.3% |
| Lợi nhuận gộp | 42.9 | 23.3 | 83.9% | 108 | 72.6 | 48.0% |
| Doanh thu HĐTC | 5.51 | 5.70 | -3.4% | 14.6 | 11.3 | 29.5% |
| Chi phí TC | 5.84 | 8.78 | -33.5% | 17.1 | 24.4 | -29.9% |
| Chi phí lãi vay | 5.73 | 8.09 | -29.1% | 16.9 | 22.6 | -25.3% |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0.00 | | 0 | 0 | |
| Chi phí bán hàng | 38.7 | 18.3 | 111% | 96.2 | 48.0 | 100% |
| Chi phí QLDN | 1.36 | 1.17 | 16.3% | 3.77 | 4.68 | -19.4% |
| LN thuần từ HĐKD | 2.49 | 0.78 | 219% | 5.09 | 6.80 | -25.1% |
| Lợi nhuận khác | -0.03 | -0.71 | 95.3% | -0.03 | -0.72 | 95.7% |
| LN trước thuế | 2.45 | 0.07 | 3406% | 5.06 | 6.08 | -16.7% |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.09 | 0.06 | 3379% | 4.29 | 4.56 | -6.0% |
| LNST của CĐ cty mẹ | 2.09 | 0.06 | 3379% | 4.29 | 4.56 | -6.0% |

(Nguồn: fireant.vn)

